

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 31/03/2017	Số dư tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		362.157.637.675	330.712.525.218
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	82.235.952.198	87.141.844.393
1. Tiền	111		16.458.677.212	20.078.643.351
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.777.274.986	67.063.201.042
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	39.881.381.015	39.562.588.005
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		39.881.381.015	39.562.588.005
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.107.483.161	125.219.510.282
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	58.232.344.481	61.629.790.612
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.503.091.946	4.540.527.106
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	93.391.124.958	65.310.190.722
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(7.019.078.224)	(6.260.998.158)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	79.298.571.404	78.788.582.538
1. Hàng tồn kho	141		79.666.011.986	79.603.571.120
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(367.440.582)	(814.988.582)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.634.249.897	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	182.792.281	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.16	1.421.888.200	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	29.569.416	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.112.557.580	176.271.607.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		36.923.092.799	46.956.121.047
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	16.918.431.393	16.918.431.393
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	20.004.661.406	30.037.689.654
II. Tài sản cố định	220		7.726.814.199	8.199.294.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	7.566.276.624	8.024.162.211
- Nguyên giá	222		15.592.073.855	15.592.073.855
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.025.797.231)	(7.567.911.644)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	160.537.575	175.131.900
- Nguyên giá	228		350.263.800	350.263.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(189.726.225)	(175.131.900)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	8.693.002.685	1.273.911.409
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.693.002.685	1.273.911.409
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	115.421.692.362	115.379.345.695
1. Đầu tư vào công ty con	251		88.019.345.695	88.019.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		260.000.000	260.000.000
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		27.142.346.667	27.100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.347.955.535	4.462.935.236
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	314.037.143	368.009.546
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	4.033.918.392	4.094.925.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		535.270.195.255	506.984.132.716

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 31/03/2017	Số dư tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		228.368.788.887	227.385.355.430
I. Nợ ngắn hạn	310		211.071.574.887	207.914.641.430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	46.522.664.084	53.529.104.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	56.705.232.003	50.971.723.799
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	7.473.759.815	4.601.826.909
4. Phải trả người lao động	314		1.526.225.114	2.342.753.441
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	41.814.049.154	60.611.211.634
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	23.084.205.070	11.408.545.166
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.505.680.304	1.532.825.710
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	25.904.536.031	16.525.032.433
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2.902.596.646	1.355.494.407
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	2.632.626.666	5.036.123.906
II. Nợ dài hạn	330		17.297.214.000	19.470.714.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	17.297.214.000	19.470.714.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.23	306.901.406.368	279.598.777.286
I. Vốn chủ sở hữu	410		306.901.406.368	279.598.777.286
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.070.000	119.999.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.070.000	119.999.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.776.975.740	35.776.975.740
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		145.424.430.628	118.121.801.546
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		118.121.801.546	27.410.478.189
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.302.629.082	90.711.323.357
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		535.270.195.255	506.984.132.716

Tiền Giang, ngày 25 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		49.178.209.748	17.123.792.774	49.178.209.748	17.123.792.774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	49.178.209.748	17.123.792.774	49.178.209.748	17.123.792.774
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	25.431.786.601	15.994.940.615	25.431.786.601	15.994.940.615
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		23.746.423.147	1.128.852.159	23.746.423.147	1.128.852.159
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.880.916.235	15.964.115.097	15.880.916.235	15.964.115.097
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	247.077.451	344.422.206	247.077.451	344.422.206
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		247.077.451	333.095.179	247.077.451	333.095.179
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.261.547.833	803.675.214	1.261.547.833	803.675.214
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.610.858.254	2.746.626.566	4.610.858.254	2.746.626.566
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		33.507.855.844	13.198.243.270	33.507.855.844	13.198.243.270
11. Thu nhập khác	31	VI.7	111.573.136	1.176.000	111.573.136	1.176.000
12. Chi phí khác	32	VI.8	83.455.453	336.682.166	83.455.453	336.682.166
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		28.117.683	(335.506.166)	28.117.683	(335.506.166)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.535.973.527	12.862.737.104	33.535.973.527	12.862.737.104
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6.172.337.147	547.456.817	6.172.337.147	547.456.817
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		61.007.298	(536.407.181)	61.007.298	(536.407.181)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		27.302.629.082	12.851.687.468	27.302.629.082	12.851.687.468

Người lập biểu

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯƠNG

Ngày 25 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám đốc

TRẦN HOÀNG HUÂN



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 1 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.535.973.527	12.862.737.104
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		467.382.672	809.914.549
- Các khoản dự phòng	03		1.857.634.305	54.849.108
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(974.441)	(2.205.082)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.879.941.794)	(15.988.429.567)
- Chi phí lãi vay	06		247.077.451	333.095.179
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.227.151.720	(1.930.038.709)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.728.485.657)	18.808.486.749
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(62.440.866)	(19.995.077.963)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(10.138.483.757)	85.260.296.746
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(128.819.878)	4.823.419
- Tiền lãi vay đã trả	14		(380.418.261)	(333.095.179)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.207.887.720)	(724.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.398.400.000)	(1.889.527.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		182.215.581	79.201.868.063
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(11.684.615.813)	(1.111.002.424)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	727.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(361.139.677)	(18.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	632.674.799
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.750.576.675	373.919.346
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(295.178.815)	(17.877.135.552)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		19.008.969.493	41.041.514.760
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.802.965.895)	(92.211.719.865)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.999.907.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.793.903.402)	(54.170.205.105)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(4.906.866.636)	7.154.527.406
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		87.141.844.393	47.209.886.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		974.441	2.205.082
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		82.235.952.198	54.366.618.989

Tiền Giang, ngày 25 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

LÊ MỸ PHƯƠNG

TRẦN HOÀNG HUÂN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2017

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 119.999.070.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Trụ sở chính: 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng, Xí nghiệp Thi công Cơ Giới có trụ sở đặt tại 90 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại Lô 1 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2017 là 82 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

3. Cấu trúc tập đoàn

3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	75,42%	75,42%
4	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%

3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền	20,00%	20,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt nam số 27-Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Tiền và tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	02 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

8. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

11. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
 - Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nối dài, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng và dự án khu nhà ở TM xã Trung An được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Tiền mặt	232.758.121	439.965.946
Tiền gửi ngân hàng (i)		
- VNĐ	16.135.749.502	19.549.484.433
- USD	8.603.679	8.607.463
- EUR	81.565.910	80.585.509
Các khoản tương đương tiền (ii)	65.777.274.986	67.063.201.042
Cộng	82.235.952.198	87.141.844.393

(i) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Tiền gửi ngân hàng	Gốc ngoại tệ	Tương đương VNĐ
- USD	378,35	8.603.679
- EUR	3.373,28	81.565.910

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại lãi suất từ 4,3%/ năm đến 5,2%/ năm (năm 2016: 4,3%/ năm đến 4,8%/ năm).

Trong đó số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang là 2.216.506.087 đồng đã được đảm bảo cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của công ty

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Ngắn hạn	39.881.381.015	39.562.588.005
Tiền gửi có kỳ hạn	39.881.381.015	39.562.588.005

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Dài hạn	27.142.346.667	27.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	27.142.346.667	27.100.000.000
Cộng	67.023.727.682	66.662.588.005

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại các Ngân hàng thương mại có lãi suất từ 5,3% đến 6,8% (năm 2016 từ 4,8%/ năm đến 7,1%/ năm).

Trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tiền Giang là 8.308.819.268 đồng (ngắn hạn: 2.166.472.601 đồng và dài hạn 6.142.346.667 đồng), đã được đảm bảo cho các khoản vay và khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/433488/HĐTD ngày 17/10/2016 và hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17/10/2016 của công ty.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số dư 31/03/2017			Số dư 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV Bê tông TICO	38.000.000.000	-	38.000.000.000	38.000.000.000	-	38.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICO	25.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICO	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICO	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICO An Giang	14.519.345.695	-	15.705.873.373	14.519.345.695	-	15.084.100.000
Công ty Cổ phần Testco	260.000.000	-	278.475.760	260.000.000	-	330.609.469
Cộng	88.279.345.695	-	89.484.349.133	88.279.345.695	-	88.914.709.469

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo.

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	14.292.211.674	7.628.505.554
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	34.299.957.243	44.416.715.086
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	2.892.769.540	3.353.357.540
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	3.372.595.854	4.023.182.762
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	3.374.810.170	2.208.029.670
Cộng	58.232.344.481	61.629.790.612

Chi tiết phải thu ngắn hạn của các khách hàng sau:**Phải thu các bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	7.739.298.411	8.535.940.711
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	7.179.199.000	3.468.552.153
Cty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	4.357.412.506	1.720.783.410
Cty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	5.152.000	-

Phải thu các khách hàng khác

Sở NN & PTNT Trà Vinh	4.750.394.813	13.467.053.813
BQL Dự án công trình NN&PT NT Cà Mau	2.287.377.000	2.270.580.000
BQL dự án đầu tư và xây dựng CT Giao thông Tiền Giang	6.052.939.000	8.385.427.595
BQL dự án chuyên ngành NN và PTNT Bến Tre	1.139.908.000	2.171.500.300
Công ty Cổ phần An Thịnh	2.069.663.000	3.423.593.668
Cty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát	3.013.265.000	-
Cty TNHH Thuận Phú	3.956.714.000	714.300.000
Khách hàng dự án Lê Văn Phẩm	1.370.531.500	455.655.000
Công ty TNHH Nam Sông Tiền	1.757.823.469	1.490.457.000
Các khách hàng khác	12.552.666.782	15.525.946.962
Cộng	58.232.344.481	61.629.790.612

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Trả trước cho người bán kinh doanh VLXD	126.086.608	2.178.089
Trả trước cho người bán thi công công trình	13.425.078.838	3.559.822.517
Trả trước cho người bán kinh doanh bất động sản	951.926.500	978.526.500
	14.503.091.946	4.540.527.106

Chi tiết trả trước các người bán sau:**Trả trước người bán là các bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	768.008.000	768.008.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.100.000.000	-
Cty TNHH MTV XD TL TICCO	904.662.880	1.864.454.520

Trả trước người bán khác

Công ty TNHH Kiến Minh	6.100.000.000	-
DNTN Xây dựng Thuận Thành	2.325.526.458	-
Cty CP Xây Dựng TM Thới Bình	2.163.395.000	-
Cty Cổ phần SX và KD vật liệu xây dựng BMT	126.086.608	-
Các nhà cung cấp khác	1.015.413.000	1.908.064.586

Cộng	14.503.091.946	4.540.527.106
-------------	-----------------------	----------------------

5. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay dài hạn	16.918.431.393	16.918.431.393
Cộng	16.918.431.393	16.918.431.393

6. Phải thu khác

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
a/ Phải thu ngắn hạn khác	93.391.124.958	65.310.190.722
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	548.212.658	615.923.830
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	73.461.407.910	60.025.343.334
Công ty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	1.357.930.719	284.008.554

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Công ty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	1.353.075.771	950.459.852
Sở tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	255.168.853
Tạm ứng nhân viên	3.045.379.688	2.507.027.282
Tạm ứng cổ tức	11.999.879.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.370.070.359	672.259.017
b/ Phải thu dài hạn khác	20.004.661.406	30.037.689.654
Các khoản ký quỹ	60.010.000	60.010.000
Lợi nhuận các năm của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	19.944.651.406	29.977.679.654
Cộng	113.395.786.364	30.037.689.654

7. Nợ xấu

	31/03/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	7.063.862.777	627.679.906	(6.436.182.871)	5.828.502.963	150.400.158	(5.678.102.805)
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>						
Các khách hàng bán bê tông	1.513.769.863	-	(1.513.769.863)	1.513.769.863	-	(1.513.769.863)
Công ty Cổ phần Giao thông vận tải Kiên Giang	925.888.360	-	(925.888.360)	925.888.360	-	(925.888.360)
Ban Quản lý Đầu Tư & Xây Dựng Thủy Lợi 9	374.524.406	-	(374.524.406)	374.524.406	112.357.321	(262.167.085)
BQL DA 1 Sở NN & PT NT Cà Mau	378.200.000	189.100.000	(189.100.000)	-	-	-
Sở NN& PTNT tỉnh Trà Vinh	877.159.813	438.579.906	(438.579.907)	-	-	-
Các khách hàng khác	2.994.320.335	-	(2.994.320.335)	3.014.320.334	38.042.837	(2.976.277.497)
Trả trước người bán	317.226.500	-	(317.226.500)	317.226.500	-	(317.226.500)
<i>Trả trước cho người bán khác</i>						
Công ty Sagel	115.496.500	-	(115.496.500)	115.496.500	-	(115.496.500)
Công ty Kiến trúc P.A	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Simon	56.000.000	-	(56.000.000)	56.000.000	-	(56.000.000)
Các khách hàng khác	95.730.000	-	(95.730.000)	95.730.000	-	(95.730.000)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/03/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác	265.668.853	-	(265.668.853)	265.668.853	-	(265.668.853)
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Nguyễn Hữu Đăng Khoa	10.500.000	-	(10.500.000)	10.500.000	-	(10.500.000)
Sở tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	-	(255.168.853)	255.168.853	-	(255.168.853)
Cộng	7.646.758.130	627.679.906	(7.019.078.224)	6.411.398.316	150.400.158	(6.260.998.158)

8. Hàng tồn kho

	Số dư 31/03/2017		Số dư 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	140.550.948		98.777.622	
Công cụ, dụng cụ	259.889.231		259.889.231	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	62.102.390.626	(367.440.582)	61.993.206.978	(814.988.582)
Thành phẩm bất động sản	16.370.005.556		16.370.005.556	
Hàng hóa	793.175.625		881.691.733	
Cộng	79.666.011.986	(367.440.582)	79.603.571.120	(814.988.582)

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Khu dân cư đường Trương Định nối dài	324.104.435	505.338.221
Khu nhà ở TM xã Trung An	48.716.976.580	57.065.571.548
KDC đường Nguyễn Trãi nối dài	320.577.999	211.077.999
KDC Mỹ Thạnh Hưng	60.173.509	60.173.509
Khu dân cư Sông Đốc	-	447.548.000
Cụm CN Gia Thuận 1	926.807.133	561.738.546
Cụm CN Gia Thuận 2	213.903.636	213.903.636
Các công trình xây dựng	11.539.847.334	2.927.855.519
Cộng	62.102.390.626	61.993.206.978

9. Chi phí trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
a/ Chi phí trả trước ngắn hạn	182.792.281	-
Chi phí thuê đất	182.792.281	-
b/ Chi phí trả trước dài hạn	314.037.143	368.009.546
Công cụ, dụng cụ	81.448.662	97.454.648
Chi phí sửa chữa	232.588.481	270.554.898
Cộng	496.829.424	368.009.546

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (01/01/2017)	3.222.169.173	7.562.005.011	4.363.306.035	444.593.636	15.592.073.855
- Tăng trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
Số dư 31/03/2017	3.222.169.173	7.562.005.011	4.363.306.035	444.593.636	15.592.073.855
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm (01/01/2017)	2.736.694.306	1.905.648.647	2.578.840.356	346.728.335	7.567.911.644
-Khấu hao trong kỳ	100.135.479	229.472.043	121.821.702	6.456.363	457.885.587
-Thanh lý, nhượng bán					0
Số dư 31/03/2017	2.836.829.785	2.135.120.690	2.700.662.058	353.184.698	8.025.797.231
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2017	485.474.867	5.656.356.364	1.784.465.679	97.865.301	8.024.162.211
- Tại ngày 31/03/2017	385.339.388	5.426.884.321	1.662.643.977	91.408.938	7.566.276.624
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					
Tại ngày 01/01/2017	357.170.709	111.378.140	1.134.511.500	327.511.818	1.930.572.167
Tại ngày 31/03/2017	357.170.709	111.378.140	1.134.511.500	327.511.818	1.930.572.167
Giá trị còn lại của TSCĐ đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh tại BIDV - Tiền Giang					
Tại ngày 01/01/2017	284.078.223	5.239.561.639	1.549.627.361	30.113.634	7.103.380.857
Tại ngày 31/03/2017	196.530.036	5.026.035.919	1.442.483.051	27.102.270	6.692.151.276

11. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm kế toán)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Tăng	Giảm	Số dư 31/03/2017
Nguyên giá	350.263.800	-	-	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	175.131.900	14.594.325	-	189.726.225
Giá trị còn lại	175.131.900	14.594.325	-	160.537.575

12. Chi phí xây dựng dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Xây dựng cơ bản	305.729.591	305.729.591
Mua sắm tài sản cố định	8.387.273.094	968.181.818
Cộng	8.693.002.685	1.273.911.409

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản chi phí trích trước	Số tiền tạm thu KD BĐS	Chi phí dự phòng	Các khoản lỗ tính thuế	Phân bổ tài sản dài hạn	Cộng
Số dư 01/01/2017	61.931.153	386.240.144	64.397.207	3.347.238.128	235.119.058	4.094.925.690
Chi phí thuế hoãn lại	-	923.855	-	-	-	923.855
Hoàn nhập	(61.931.153)	-	-	-	-	(61.931.153)
Số dư 31/03/2017	-	387.163.999	64.397.207	3.347.238.128	235.119.058	4.033.918.392

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	2.687.727.999	2.726.238.571
Phải trả người bán thi công công trình	42.720.343.361	49.287.887.108
Phải trả người bán thi công cơ giới	277.809.953	304.499.503
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	836.782.771	1.210.478.843
Cộng	46.522.664.084	53.529.104.025

Chi tiết phải trả ngắn hạn của các người bán sau:**Phải trả người bán là các bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ	70.939.320	113.946.170
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ	21.139.565.205	28.429.267.115
Cty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCÔ	1.986.738.258	2.576.491.000
Cty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCÔ	10.239.144.147	5.723.411.328
Công ty CPĐT & XD TICCÔ An Giang	2.382.001.426	2.382.001.426

Phải trả người bán khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Cty Cổ phần 6.3	2.521.430.052	5.976.049.659
Công ty TNHH Hòa Điền	-	833.225.000
DNTN Lê Thành Tài	1.026.309.618	650.850.145
Công ty TNHH KDTMXD Thái Hưng	1.152.069.112	-
Cty TNHH CN XD Thịnh Điền	268.614.850	267.386.700
Cty Cổ Phần Cơ Khí & Xây Lắp 276	416.926.000	416.926.000
DNTN Văn Sáu	397.669.000	397.669.000
Cty TNHH TM & DV Giang Hoàng Nam	1.066.200.000	-
Các khách hàng khác	3.855.057.096	5.761.880.482
Cộng	46.522.664.084	53.529.104.025

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	10.010.000	2.641.000
Người mua thi công công trình trả tiền trước	18.398.611.503	12.714.982.799
Người mua thi công cơ giới trả tiền trước	7.800.000	7.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	38.288.810.500	38.246.300.000
Cộng	56.705.232.003	50.971.723.799

Chi tiết khoản người mua ứng tiền trước sau:

BQL DA 1 Sở NN & PT NT Cà Mau	770.550.102	2.743.709.102
Ban QL Đầu Tư & XD Thủy Lợi 10	3.226.000.000	-
Ban QLDA chuyên ngành NN và PTNT tỉnh Bến Tre	7.719.704.149	-
BQL các DA ĐT XD ngành NN Tiền Giang	1.450.000.000	572.880.745
Sở NN& PTNT tỉnh Trà Vinh	4.039.266.500	4.039.266.500
Cty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát	-	4.150.994.000
Khách hàng dự án khu nhà ở TM xã Trung An	38.182.399.000	37.408.843.500
Các khách hàng khác	1.317.312.252	2.056.029.952
Cộng	56.705.232.003	50.971.723.799

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***16. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

Thuế GTGT được khấu trừ:

Chỉ tiêu	01/01/2017	Phát sinh tăng	Kết chuyển khấu trừ	31/03/2017
Thuế GTGT đc khấu trừ	-	4.940.019.293	3.518.131.093	1.421.888.200

Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước:

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017		Phát sinh			Số dư 31/03/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế TNDN	-	4.108.629.404	3.207.887.720	6.172.337.147	-	-	7.073.078.831
Thuế GTGT	-	411.363.795	2.253.659.515	5.360.426.813	3.518.131.093	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	-
Thuế đất	-	-	-	322.012.471	-	-	322.012.471
Thuế TNCN	-	75.568.513	601.212.672	604.312.672	-	-	78.668.513
Thuế TNCN	-	6.265.197	61.402.356	25.567.743	-	29.569.416	-
Cộng	-	4.601.826.909	6.130.162.263	12.490.556.846	3.518.131.093	29.569.416	7.473.759.815

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	-	5.384.000
Giá vốn ước tính các dự án khu dân cư	36.283.233.461	58.323.819.351
Chi phí thi công công trình xây dựng	5.520.781.693	1.819.425.187
Chi phí lãi vay phải trả	-	7.882.385
Các chi phí phải trả khác	10.034.000	454.700.711
Cộng	41.814.049.154	60.611.211.634

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Kinh phí công đoàn	36.646.493	33.271.523
Thù lao HĐQT	943.656.543	66.688.732
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Hoán đổi đất nền KDC Trương Định	429.000.887	379.000.887
Phải trả cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty cổ phần TESTCO	13.186.591	13.186.591
Các khoản phải trả khác	415.652.794	373.140.981
Cộng	2.505.680.304	1.532.825.710

19. Doanh thu chưa thực hiện

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Doanh thu chưa thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án khu nhà ở TM xã Trung An	23.084.205.070	11.408.545.166
Cộng	23.084.205.070	11.408.545.166

20. Vay và nợ thuê tài chính

	Số dư 31/03/2017	Trong kỳ		Số dư 01/01/2017
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	25.904.536.031	19.008.969.493	9.629.465.895	16.525.032.433
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>19.586.509.031</i>	<i>19.008.969.493</i>	<i>8.570.456.895</i>	<i>9.147.996.433</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	19.586.509.031	19.008.969.493	8.570.456.895	9.147.996.433
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>6.318.027.000</i>	<i>-</i>	<i>1.059.009.000</i>	<i>7.377.036.000</i>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	6.318.027.000	-	1.059.009.000	7.377.036.000
Vay dài hạn	17.297.214.000	-	2.173.500.000	19.470.714.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang	9.828.714.000	-	-	9.828.714.000
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	7.468.500.000	-	2.173.500.000	9.642.000.000
Tổng cộng	43.201.750.031	19.008.969.493	11.802.965.895	35.995.746.433

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/433488/HĐTD ngày 17 tháng 10 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17/10/2017. Các khoản vay này có thời gian vay 6 tháng và chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất thuê tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và các tài sản cố định hữu hình theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/433488/HĐBĐ ngày 17/10/2016, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và quyền đòi nợ (khoản phải thu) để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17 tháng 10 năm 2016 với hạn mức bảo lãnh là 200.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng đến hết ngày 17/10/2017. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/ giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này.
- (iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10 tháng 02 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (Dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm). Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và quyền sử dụng đất tại P.6 TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) Khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 25 tháng 02 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện Dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An. Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An để đảm bảo cho khoản vay này. Đến hết ngày 31/03/2017, số dư nợ vay còn lại của công ty tại Quỹ là 7.468.500.000 đồng.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số dư 31/03/2017	Số dư 01/01/2017
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	278.360.520	278.360.520
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	2.624.236.126	1.077.133.887
Cộng	2.902.596.646	1.355.494.407

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Sử dụng các quỹ trong năm	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số dư 31/03/2017
Quỹ khen thưởng	1.039.071.350	2.228.000.000	-	(1.188.928.650)
Quỹ phúc lợi	2.096.778.336	170.400.000	-	1.926.378.336
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	39.078.855	-	5.097.240	33.981.615
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	1.861.195.365	-	-	1.861.195.365
Cộng	5.036.123.906	2.398.400.000	5.097.240	2.632.626.666

23. Vốn đầu tư chủ sở hữu**a. Tình hình vốn chủ sở hữu**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	100.000.000.000	10.700.000.000	30.182.457.785	64.240.914.215	205.123.372.000
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	5.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	9.999.070.000	(9.999.070.000)	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	90.711.323.357	90.711.323.357
Trích lập các quỹ	-	-	5.594.517.955	(16.830.436.026)	(11.235.918.071)
Chia cổ tức	-	-	0	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	119.999.070.000	5.700.930.000	35.776.975.740	118.121.801.546	279.598.777.286
Số dư tại ngày 01/01/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	35.776.975.740	118.121.801.546	279.598.777.286
Tăng trong kỳ	-	-	-	27.302.629.082	27.302.629.082
Số dư tại ngày 31/03/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	35.776.975.740	145.424.430.628	306.901.406.368

b. Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 119.999.070.000 đồng. Tại ngày 31/03/2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c. Cổ phiếu

	31/03/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.907	11.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.907	11.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.907	11.999.907
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	11.542.233.317	3.502.437.999
Doanh thu thi công công trình xây dựng	23.991.712.899	11.536.255.397
Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí	-	751.028.068
Doanh thu thi công cơ giới	1.718.218.364	1.334.071.310
Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.926.045.168	-
Doanh thu thuần	49.178.209.748	17.123.792.774

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	9.944.761.307	3.315.407.884
Giá vốn thi công công trình	24.442.351.694	10.676.477.989
Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí	-	677.691.024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Giá vốn thi công cơ giới	1.557.119.436	1.325.363.718
Giá vốn kinh doanh bất động sản	(10.512.445.836)	-
Cộng	25.431.786.601	15.994.940.615
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.104.506.506	315.237.432
Lãi cho vay	42.296.078	42.766.035
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	18.200.000	18.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	14.714.939.210	15.587.911.630
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	974.441	-
Cộng	15.880.916.235	15.964.115.097
4. Chi phí tài chính		
	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Chi phí lãi vay	247.077.451	333.095.179
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	-	11.247.988
Chênh lệch tỷ giá	-	79.039
Cộng	247.077.451	344.422.206
5. Chi phí bán hàng		
	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Chi phí nhân viên	295.916.909	285.487.060
Chi phí vật liệu, bao bì	877.498.951	431.089.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.100.879	26.744.934

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.430.180	3.802.099
Chi phí bằng tiền khác	63.600.914	56.552.000
Cộng	1.261.547.833	803.675.214
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Chi phí nhân viên quản lý	1.557.102.464	1.445.796.092
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	41.709.645	65.805.210
Chi phí dụng cụ quản lý	28.298.721	65.420.722
Chi phí khấu hao	151.495.575	203.554.948
Thuế, phí, lệ phí	107.936.361	68.264.880
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	758.080.066	(60.077.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.105.144	102.382.653
Chi phí bằng tiền khác	1.845.130.278	855.479.061
Cộng	4.610.858.254	2.746.626.566
7. Thu nhập khác		
	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	109.163.743	-
Thu nhập từ xử lý công nợ	303	-
Thu khác	2.409.090	1.176.000
Cộng	111.573.136	1.176.000
8. Chi phí khác		
	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Thanh lý TSCD	-	16.167.444
Tiền phạt	37.813	320.514.000
Khác	83.417.640	722
Cộng	83.455.453	336.682.166

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các bên liên quan****1.1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
GIAO DỊCH BÁN		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI TICCO		
	- Lợi nhuận quý 1/2017 chuyển về	625.397.937
	- Thuê đất	18.567.782
	- Tiền điện	1.277.696
	- Thuê máy móc thiết bị	3.450.000
	- Chi phí chi hộ đấu thầu	28.550.980
	- Sửa chữa máy móc	4.648.860
	- Thuê máy móc thiết bị	173.676.773
	- Bán vật liệu xây dựng	2.659.449.001
	- Vận chuyển vật tư	35.443.636
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH TICCO		
	- Lợi nhuận quý 1/2017 chuyển về	310.758.792
	- Thuê đất	33.150.993
	- Tiền điện	25.400.764
	- Chi phí chi hộ đấu thầu	58.748.183
	- Thuê máy móc thiết bị	4.683.636
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Lợi nhuận quý 1/2017 chuyển về	548.212.658
	- Thuê đất	26.570.655
	- Tiền điện	3.204.452
	- Chi phí chi hộ	38.620.879
	- Hồ sơ thầu	454.545
	- Thuê máy móc, thiết bị	972.751.998
	- Bán vật liệu xây dựng	1.123.090.453
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Lợi nhuận quý 1/2017 chuyển về	13.230.569.823
	- Tiền điện	351.819.958
	- Lãi vay	42.296.078

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
	- Thuê thiết bị	104.889.546
	- Bán vật liệu xây dựng	6.364.408.775
GIAO DỊCH MUA		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI		
	- Khối lượng thi công công trình	18.058.175.454
	- Thuê nhân công	122.210.500
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH		
	- Khối lượng thi công công trình	941.031.818
	- Thuê nhân công	212.956.900
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Khối lượng thi công công trình	6.703.621.591
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Mua vật tư	13.850.909
	- Thuê cạp vật tư	92.848.091

1.2. Chi tiết số dư tại ngày 31/03/2017 với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 31/03/2017
SỐ PHẢI TRẢ		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI		
	- Phải trả thuê ca máy phục vụ	10.753.147
	- Phải trả thi công công trình	10.228.391.000
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH		
	- Phải trả thi công công trình	1.986.738.258
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Phải trả thuê ca máy phục vụ	2.692.158
	- Phải trả thi công công trình	21.136.873.047
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Phải trả mua bê tông tươi	11.788.920
	- Phải trả tiền cạp vật tư	59.150.400
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TICCO AN GIANG		
	- Phải trả thi công công trình	2.382.001.426
SỐ PHẢI THU		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI		
	- Phải thu thuê máy móc, thiết bị	427.430.606
	- Phải thu mua vật liệu	3.929.981.900

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÊN LIÊN QUAN	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 31/03/2017
	- Ứng trước thi công công trình	904.662.880
	- Phải thu lợi nhuận các năm	806.511.583
	- Phải thu khác	551.419.136
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH		
	- Phải thu lợi nhuận các năm	1.233.235.755
	- Phải thu khác	119.840.016
	- Phải thu thuê máy móc thiết bị	5.152.000
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Phải thu lợi nhuận	548.212.658
	- Phải thu mua bán cừ larsen	2.848.957.130
	- Phải thu thuê máy móc thiết bị	2.553.003.281
	- Phải thu mua vật liệu xây dựng	2.337.338.000
	- Ứng trước thi công công trình	1.100.000.000
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Phải thu mua vật liệu xây dựng	5.400.641.500
	- Phải thu thuê máy móc thiết bị	132.978.500
	- Phải thu lãi cho vay	42.296.078
	- Phải thu lợi nhuận các năm	92.976.761.284
	- Phải thu khác	387.001.954
	- Ứng trước	768.008.000
	- Phải thu thi công công trình	1.645.579.000

1.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong quý 1 năm 2017 từ lương, thưởng, phụ cấp là 1.290.389.000 đồng

2. Thông tin bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Thi công công trình; Thi công cơ giới và Kinh doanh bất động sản. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 4 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh vật liệu xây dựng (Xí nghiệp trực thuộc Công ty);
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty.
- Bộ phận thi công cơ giới: Chủ yếu cho thuê máy móc thi công công trình thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí Nghiệp Thi công cơ giới (Xí nghiệp trực thuộc Công ty);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal).

200
CÔNG
CỔ
TƯ
TIỀN
GIANG
HO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Thi công công trình	Không phân bổ	Cộng
Quý 1 năm 2017						
Doanh thu thuần bộ phận	11.542.233.317	1.718.218.364	11.926.045.168	23.991.712.899		49.178.209.748
Giá vốn bộ phận	9.944.761.307	1.557.119.436	(10.512.445.836)	24.442.351.694		25.431.786.601
Chi phí bán hàng	988.657.943	-	272.889.890	-		1.261.547.833
Chi phí quản lý doanh nghiệp	131.326.732	144.393.108	567.743.960	3.767.394.454		4.610.858.254
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	477.487.335	16.705.820	21.597.857.154	(4.218.033.249)	-	17.874.017.060
Doanh thu hoạt động tài chính	177.713	97.755	182.189	1.147.319.368	14.733.139.210	15.880.916.235
Chi phí tài chính	73.578.891	-	-	173.498.560		247.077.451
Thu nhập khác	-	-	-	111.573.136		111.573.136
Chi phí khác	-	-	-	83.455.453		83.455.453
Lợi nhuận trước thuế	404.086.157	16.803.575	21.598.039.343	(3.216.094.758)	14.733.139.210	33.535.973.527
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	6.172.337.147	-		6.172.337.147
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	61.007.298	-		61.007.298
Lợi nhuận sau thuế	404.086.157	16.803.575	15.364.694.898	(3.216.094.758)	14.733.139.210	27.302.629.082

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Thi công công trình	Không phân bổ	Cộng
Số dư ngày 31/03/2017						
Tài sản						330.473.778.495
Tài sản bộ phận	15.302.890.877	4.370.561.714	110.811.213.952	199.989.111.952	204.796.416.760	204.796.416.760
Tài sản không phân bổ						
Tổng tài sản	15.302.890.877	4.370.561.714	110.811.213.952	199.989.111.952	204.796.416.760	535.270.195.255
Nợ phải trả						225.736.162.221
Nợ phải trả bộ phận	2.780.135.514	836.604.945	123.823.297.288	98.296.124.474	2.632.626.666	2.632.626.666
Nợ phải trả không phân bổ						
Tổng nợ phải trả	2.780.135.514	836.604.945	123.823.297.288	98.296.124.474	2.632.626.666	228.368.788.887
Số dư ngày 01/01/2017						
Tài sản						366.996.223.716
Tài sản bộ phận	8.497.446.036	5.051.379.000	128.914.772.545	224.532.626.135	139.987.909.000	139.987.909.000
Tài sản không phân bổ						
Tổng tài sản	8.497.446.036	5.051.379.000	128.914.772.545	224.532.626.135	139.987.909.000	506.984.132.716
Nợ phải trả						222.349.231.524
Nợ phải trả bộ phận	2.915.921.230	1.067.462.098	141.201.429.170	77.164.419.026	5.036.123.906	5.036.123.906
Nợ phải trả không phân bổ						
Tổng nợ phải trả	2.915.921.230	1.067.462.098	141.201.429.170	77.164.419.026	5.036.123.906	227.385.355.430

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Số liệu quý 1 năm 2017 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo tài chính quý 1 năm 2016.

Tiền Giang, ngày 25 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu



HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

